

产品档案 · 草案

越南椰蓉

IVN-PF-C-02

INDUSVINA 为供应品牌，实际生产商尚未确认。

适用于食品加工、烘焙、糖果、谷物食品、饮料及配料分销等B2B客户的椰蓉产品。粒度、脂肪含量及微生物指标须按具体批次确认。

椰蓉是由椰肉加工并干燥制成的食品配料，可用于烘焙食品、糖果、馅料、谷物食品、营养食品、冰淇淋、饮料及其他食品配方。INDUSVINA可根据客户需求协助确认技术要求、包装方式、质量文件及贸易条款。在确认报价或批准样品前，应核实产品粒度、脂肪含量、微生物指标、配料声明、包装规格及批次追溯信息。



其他生产商的参考资料；不证明 INDUSVINA 批次的规格或身份。发布前须审核图片使用权。

Photo: Talaviet

产品目录

SKU IVN-PF-C-02为INDUSVINA面向B2B客户供应的越南椰蓉；INDUSVINA属于供应品牌，尚未被确定为生产商。该产品适用于食品加工、糖果、烘焙、食品馅料、谷物食品、营养食品、冰淇淋、饮料及配料分销。Codex CXS 177-1991可作为椰蓉产品类别的参考标准；本资料仅将其用于类别参考，并不表示该SKU或任何批次符合该标准，亦不表示其拥有任何认证。采购目的在于选择符合配方和目标市场要求的配料。评估时应检查代表性样品、感官状态、标签、配料声明、粒度、脂肪含量、微生物指标、包装、批号及追溯文件。储运应依据已经核实的标签说明或批次文件执行。所需文件应在合同中约定，或按目标市场要求确认。限制：本SKU的工厂、具体原产地、包装方式、技术限值、认证及目标市场均尚未确定。

Admin 已保存规格

尚无已核实的批次规格，参考生产商数据不能替代实际批次资料。

使用指南

B2B使用指南：在将SKU IVN-PF-C-02加入配方或批准样品前，应先明确拟用场景，例如烘焙、糖果、馅料、谷物食品、冰淇淋、饮料或配料混配。应以书面方式提出粒度、脂肪含量、微生物指标、配料声明、过敏原或标签要求（如适用）、包装方式、数

量和目标市场等需求。样品评估仅应使用批次标识清晰的样品。收货时，应检查包装完整性、标签、批号、数量及双方约定文件；对于疑似受潮、污染、气味异常或文件不一致的物料，在完成处置确认前不得使用。开封后，应密封剩余物料，并按已核实的标签说明或批次文件保管。应按批号保存使用记录，以支持追溯。限制：该SKU尚未确认添加量、温度、湿度或保质期条件。

SOP 草案

目的：在管理资料尚未预先确认批次技术指标的情况下，规范SKU IVN-PF-C-02的B2B收货、保管和放行。范围：适用于 INDUSVINA采购、仓储、质量及销售。收货时，应将产品名称、批号、生产日期或保质期（如有）、数量、封口状态、包装状态及随附文件，与已批准的采购订单或报价逐项核对。包装破损、疑似受潮、气味异常、标签缺失或文件不完整的批次应隔离处理。只有在粒度、脂肪含量、微生物指标、配料声明、包装方式和批次追溯要求均已确认后，方可放行或安排交付。应按已核实的标签说明或该批文件储存，不得在无证据的情况下自行规定温度或湿度。应保存收货记录、包装照片、批次标签、质量文件及异常处理记录。限制：本文件为INDUSVINA编制的SOP草案，不替代生产商说明或进口市场的法规要求。

来源与限制

其他生产商的参考资料；不证明 INDUSVINA 批次的规格或身份。发布前须审核图片使用权。

Talaviet — High-fat reference grade only: fat 65 ± 3%; moisture ≤ 3%. Actual SKU grade unconfirmed.

<https://www.talaviet.com/product/desiccated-coconut/>

CXS 177-1991 — Standard for Desiccated Coconut

Kết nối giao thương, xúc tiến thương mại sản phẩm dừa Bến Tre

Xuất xứ hàng hóa: “Giấy thông hành” mới của ngành thực phẩm xuất khẩu

Nhà sản xuất chưa xác định; không suy đoán nhà máy hoặc thương hiệu sản xuất.

Không có thông số kỹ thuật được xác minh trong Admin cho SKU IVN-PF-C-02; cỡ hạt, hàm lượng chất béo, chỉ tiêu vi sinh, thành phần và quy cách bao bì đều cần xác minh theo lô hàng.

Xuất xứ cụ thể, điều kiện bảo quản, hạn dùng, chứng nhận, thị trường đích, tuyến vận chuyển và điều kiện thương mại chưa xác định.

Codex CXS 177-1991 chỉ là nguồn tham khảo chung loại; không phải bằng chứng phù hợp tiêu chuẩn, chứng nhận hoặc chất lượng của bất kỳ lô hàng nào.

Không có tài liệu manual chính thức của nhà sản xuất. SOP và hướng dẫn sử dụng trong hồ sơ này là dự thảo do INDUSVINA biên soạn.

INDUSVINA là thương hiệu cung ứng. Nội dung và bản dịch là dự thảo; nguồn web không chứng minh quy cách, chất lượng hoặc chứng nhận của lô hàng.